Kiểm tra 36 phép nhân

có đáp án

Họ và tên: _____ Ngày: _____

1. $7 \times 7 =$ ____	2. $4 \times 4 =$ ____	3. $2 \times 2 =$ ____
4. $3 \times 6 =$ ____	5. $5 \times 8 =$ ____	6. $8 \times 8 =$ ____
7. $7 \times 8 =$ ____	8. $7 \times 9 =$ ____	9. $3 \times 7 =$ ____
10. $2 \times 8 =$ ____	11. $2 \times 6 =$ ____	12. $4 \times 8 =$ ____
13. $4 \times 5 =$ ____	14. $2 \times 7 =$ ____	15. $6 \times 8 =$ ____
16. $6 \times 9 =$ ____	17. $3 \times 8 =$ ____	18. $5 \times 7 =$ ____

Kiểm tra 36 phép nhân

có đáp án

Họ và tên: _____ Ngày: _____

19. $2 \times 5 =$ ____	20. $3 \times 9 =$ ____	21. $4 \times 9 =$ ____
22. $3 \times 5 =$ ____	23. $2 \times 4 =$ ____	24. $5 \times 5 =$ ____
25. $4 \times 7 =$ ____	26. $5 \times 9 =$ ____	27. $6 \times 6 =$ ____
28. $8 \times 9 =$ ____	29. $4 \times 6 =$ ____	30. $5 \times 6 =$ ____
31. $2 \times 3 =$ ____	32. $2 \times 9 =$ ____	33. $9 \times 9 =$ ____
34. $3 \times 4 =$ ____	35. $6 \times 7 =$ ____	36. $3 \times 3 =$ ____

Kiểm tra 36 phép nhân - Đáp án

có đáp án

1. 7 × 7 = 49
2. 4 × 4 = 16
3. 2 × 2 = 4
4. 3 × 6 = 18
5. 5 × 8 = 40
6. 8 × 8 = 64
7. 7 × 8 = 56
8. 7 × 9 = 63
9. 3 × 7 = 21
10. 2 × 8 = 16
11. 2 × 6 = 12
12. 4 × 8 = 32
13. 4 × 5 = 20
14. 2 × 7 = 14
15. 6 × 8 = 48
16. 6 × 9 = 54
17. 3 × 8 = 24
18. 5 × 7 = 35

Kiểm tra 36 phép nhân - Đáp án

có đáp án

19. 2 × 5 = 10
20. 3 × 9 = 27
21. 4 × 9 = 36
22. 3 × 5 = 15
23. 2 × 4 = 8
24. 5 × 5 = 25
25. 4 × 7 = 28
26. 5 × 9 = 45
27. 6 × 6 = 36
28. 8 × 9 = 72
29. 4 × 6 = 24
30. 5 × 6 = 30
31. 2 × 3 = 6
32. 2 × 9 = 18
33. 9 × 9 = 81
34. 3 × 4 = 12
35. 6 × 7 = 42
36. 3 × 3 = 9